

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2026/DS-PT

Ngày: 16-01-2026

V/v tranh chấp: “Ranh giới
quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Dũng

Ông Lê Thành Tôn

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 731/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp “Ranh giới quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2025/DS-ST ngày 29 tháng 08 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1334/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Nguyễn Diễm T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số A N, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo uỷ quyền của bà T: Ông Phạm Duy M, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Số A N, Khu phố A, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo văn bản uỷ quyền 09/7/2024)

- Bị đơn: Bà Phan Thị Ngọc V, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Khu phố G, phường L, tỉnh Đồng Tháp;

Đại diện theo uỷ quyền của bà V: Ông Nguyễn Công T1, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 28/11/2024)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Q1.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung T2 – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị Trung H – Phó Tổng giám đốc N.

Đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Võ Quốc T3 – Cán bộ (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số A N, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1943 (Xin vắng mặt)

3. Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1988 (Xin vắng mặt)

Cùng cư trú: Khu phố G, phường L, tỉnh Đồng Tháp

4. Ông Lê Minh Q, sinh năm 1985 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A C, xã B, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố G, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Trần Nguyễn Diễm T4, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Khu phố T, phường L, tỉnh Đồng Tháp

Đại diện theo uỷ quyền của bà T4: Ông Phạm Duy M, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Số A N, khu phố A, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 05/6/2025)

6. Bà Trần Nguyễn Diễm T5, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu phố T, phường L, tỉnh Đồng Tháp;

Đại diện theo uỷ quyền của bà T5: Ông Phạm Duy M, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Số A N, khu phố A, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 09/7/2024)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trần Nguyễn Diễm T;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn chị Trần Nguyễn Diễm T trình bày:

Chị Trần Nguyễn Diễm T và chị Trần Nguyễn Diễm T5 cùng đứng tên quyền sử dụng đất thuộc thửa số 664, tờ bản đồ số 5, diện tích 518,7m², đất lúa; thửa số 665, tờ bản đồ số 5, diện tích 300m², đất ở; thửa số 666, tờ bản đồ số 5, diện tích 365,7m², tờ bản đồ số 5, đất lúa. Đất tại ấp G, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (Nay là khu phố G, Phường L, tỉnh Đồng Tháp). Nguồn gốc đất nhận tặng cho từ bà Trần Nguyễn Diễm T4.

Giáp ranh các thửa đất trên là thửa đất 1026, tờ bản đồ số 5 của bà Phan Thị Ngọc V. Vào khoảng cuối năm 2023, khi chị T và chị T5 biết được căn nhà của bà V xây dựng sát ranh giới các thửa đất trên của chị T và chị T5. Chị T và chị T5 có gọi điện cho anh Q (con rể của bà V). Anh Q nói đất của anh, anh có quyền xây.

Nhiều lần đã nói chuyện để hai bên tự hòa giải nhưng không được, chị T và chị T5 đã nộp đơn lên Ủy ban phường L để hòa giải nhưng vẫn không thành. Nội dung cụ thể sau hai lần hòa giải như sau:

Lần 1: Ngày 21/06/2024, anh Q (được bà V ủy quyền) đồng ý cho chị T và chị T5 đo theo giấy chứng nhận chị T và chị T5 đang sử dụng. Nếu giảm thì phía anh Q sẽ đập di dời, nếu tăng sẽ làm lối đi chung cho hai bên.

Lần 2: Ngày 28/06/2024, anh Q đề nghị bên chị T và chị T5 đo xác định vị trí ranh giới theo giấy chứng nhận từ năm 2016 trở về trước chứ không đồng ý bất kỳ giấy chứng nhận nào cấp sau năm 2016.

Sau đó, Ủy ban phường L có nhờ cán bộ đo đạc thuộc Chi nhánh Văn phòng đất đai thị xã G xuống xác định tọa độ giáp ranh theo giấy chứng nhận thì phía anh Q cho là sai và không đồng ý. Anh Q đề nghị chờ thuê đơn vị thứ 3 xuống đo lại. Chị T và chị T5 đã chờ đợi từ ngày 28/06/2024 đến ngày 08/07/2024, Ủy ban phường L mời hai bên hòa giải thì anh Q xác nhận không thuê đơn vị thứ 3 mà anh tự đo, chị T không đồng ý.

Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Thửa đất số 666, tờ bản đồ số 5, diện tích 365,7m² giáp ranh với thửa số 1026 của bà V có chiều dài 20,48m x 0,2m, phía bà V lấn qua phần đất của chị T và chị T5 có diện tích khoảng 4,096m².

Thửa đất số 665, tờ bản đồ số 5, diện tích 300m² giáp ranh với thửa số 1026 của bà V có chiều dài 19,52m x 0,3m, phía bà V lấn qua phần đất của chị T và chị T5 khoảng 5,856m².

Thửa đất số 664, tờ bản đồ số 5, diện tích 518,7m² giáp ranh với thửa số 1026 của bà V có chiều dài 35,66m x 0,6m, phía bà V lấn qua phần đất của chị T và chị T5 khoảng 21,396m².

Căn cứ vào Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 664, 665, 666, tờ bản đồ số 5 buộc bà V phải trả lại chị T diện tích đất đang lấn chiếm khoảng 31,348m². Tạm tính giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm tranh chấp là: 4,096m² x 105.000 đồng = 430,000 đồng; 5,856m² x 390.000 đồng = 2.283.840 đồng; 1,396m² x 105.000 đồng = 2.246.580 đồng.

Đồng thời bên bị kiện phải thanh toán toàn bộ chi phí phát sinh như lệ phí, án phí và các chi phí khác liên quan đến Tòa án.

Bị đơn bà Phan Thị Ngọc V trình bày:

Bà Phan Thị Ngọc V là chủ sử dụng thửa đất số 328 (hiện nay là các thửa 1025 và 1026), tờ bản đồ số 5, đất tại ấp G, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (nay

là khu phố G, phường L, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DN 641945 và DN 641946 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G cấp ngày 30/01/2024. Nguồn gốc đất do cha mẹ bà Phan Thị Ngọc V để lại cho bà V sử dụng và canh tác từ năm 2005, đến năm 2016 bà V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2022, bà V xây nhà và ở cho đến nay.

Thửa đất 1026 của bà V giáp ranh ở hướng đông với thửa đất 187, tờ bản đồ số 5 do bà Trần Nguyễn Diễm T4 đứng tên. Sau này bà Trần Nguyễn Diễm T4 mới tách thửa (là các thửa 664, 665, 666 hiện nay) và sang tên cho bà Trần Nguyễn Diễm T và Trần Nguyễn Diễm T5 đồng sử dụng từ năm 2023 cho đến nay. Năm 2018 giữa bà V và gia đình bà T4 có thỏa thuận và cắm trụ ranh, hiện nay các trụ ranh đó vẫn còn. Sau khi cắm trụ ranh gia đình bà V đã xây hàng rào và kéo lưới B40 dài khoảng 75m ở hướng đông giáp ranh với các thửa đất số 664, 665, 666 của bà T hiện tại, lúc đó bà T4 đang quản lý sử dụng nhưng bà T4 không hề phản đối hay khiếu nại gì về việc bà V xây hàng rào.

Đến đầu năm 2024, chị T có liên hệ qua điện thoại với con rể của bà V là Lê Minh Q hỏi về vấn đề gia đình bà V xây dựng hàng rào kiên cố sao không gọi và thông báo cho bên chủ đất giáp ranh là chị T biết. Đến lúc này bà V mới biết là chị T đứng tên các thửa đất số 664, 665, 666 mà bà T4 đứng tên trước đây. Con rể bà V đã nói với chị T rằng đất đã có ranh giới rõ ràng, và chỉ xây dựng trên phần đất của gia đình không có xây dựng trên phần đất của chị T nên không có thông báo cho chị T biết. Chị T không đồng ý và cho rằng gia đình bà V lấn đất của chị nên đã làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân phường L, thành phố G giải quyết. Bà V không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Minh Q trình bày:

Anh thống nhất ý kiến của bà V. Đối với yêu cầu của chị T, anh không đồng ý, toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Thời điểm năm 2023 là gia đình anh xây bức tường phía trước giáp thửa 666 và 665, còn các trụ ranh giáp thửa 664 thì hai bên đã cắm cọc năm 2020.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị X, chị Trần Thị Ngọc D trình bày: Thống nhất trình bày của bà V, không ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 117/2025/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp đã quyết định áp dụng: Điều 164, Điều 166, Điều 175, Điều 189 Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 31 Luật Đất đai năm 2024; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2– Đồng Tháp; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Nguyễn Diễm T.

1.1. Buộc bà Phan Thị Ngọc V có nghĩa vụ trả cho chị Trần Nguyễn Diễm T diện tích 25,5m² đất bằng giá trị là 4.663.800 đồng (Bốn triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm đồng).

1.2. Bà Phan Thị Ngọc V được quyền quản lý, sử dụng:

1.2.1. Phần đất diện tích 13,8m², thửa đất 664, tờ bản đồ số 5, đất lúa, sổ vào sổ cấp GCN:CN11663 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/12/2023 cho bà Trần Nguyễn Diễm T và Trần Nguyễn Diễm T5.

1.2.2. Phần đất diện tích 6,3m², thửa đất 665, tờ bản đồ số 5, đất ở, sổ vào sổ cấp GCN:CS10894 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 28/3/2023 cho bà Trần Nguyễn Diễm T và Trần Nguyễn Diễm T5.

1.2.3. Phần đất diện tích 5,4m², thửa đất 666, tờ bản đồ số 5, đất lúa, sổ vào sổ cấp GCN:CN11664 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/12/2023 cho bà Trần Nguyễn Diễm T và Trần Nguyễn Diễm T5.

(Vị trí, kích thước cụ thể có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh diện tích đất cho phù hợp diện tích thực tế sử dụng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 08/9/2025 nguyên đơn Trần Nguyễn Diễm T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của chị đối với 25,5m² đất tranh chấp và buộc bị đơn trả lại diện tích đất này cho gia đình chị, không phải bồi thường bằng tiền. Bà V có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời hàng rào trụ xi măng và các tài sản khác có trên phần đất đang tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện, đại diện của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ y bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận đượ với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm xử giao quyền quản lý, sử dụng và buộc phía bị đơn trả giá trị phần đất 25,5m² cho phía nguyên đơn là chưa hợp lý, bởi lẽ khi phát hiện phía bị đơn lấn chiếm đất, chị T đã yêu cầu ngừng thi công và đo đạc xác định chính xác ranh nhưng phía bị đơn vẫn tiếp tục xây dựng hàng rào, đồng thời

hàng rào này xây dựng cũng không ảnh hưởng đến kết cấu các công trình khác (nhà) nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của chị T, sửa bản án sơ thẩm, buộc phía bị đơn tháo dỡ công trình lấn chiếm, trả lại phần đất 25,5m² cho nguyên đơn.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Nguyễn Diễm T khởi kiện yêu cầu buộc bà Phan Thị Ngọc V phải trả lại chị T diện tích đất đang lấn chiếm khoảng 31,348m². Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Ranh giới quyền sử dụng đất*” và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 29/8/2025 Tòa án nhân dân khu vực 2- tỉnh Đồng Tháp xét xử vụ án, không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 08/9/2025, nguyên đơn Trần Nguyễn Diễm T kháng cáo bản án sơ thẩm là trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Các bên tranh chấp là phần đất giáp giữa các thửa thửa số 664, tờ bản đồ số 5, diện tích 518,7m², thửa số 665, tờ bản đồ số 5, diện tích 300m², thửa số 666, tờ bản đồ số 5, diện tích 365,7m² được cấp cho Trần Nguyễn Diễm T, Trần Nguyễn Diễm T5 với thửa đất 1026, tờ bản đồ số 5 của bà Phan Thị Ngọc V, cấp sơ thẩm xác định phía bà V đã lấn chiếm diện tích 25,5m² nên buộc trả bằng giá trị đất với số tiền 4.663.800 đồng, phía chị T kháng cáo không đồng ý bồi hoàn giá trị đất mà yêu cầu buộc phía bà V phải di dời vật kiến trúc trên đất để trả lại đất.

Xét yêu cầu kháng cáo của chị T là có căn cứ, bởi lẽ, sau khi xét xử sơ thẩm phía bị đơn chấp nhận bản án và không kháng cáo, các tài liệu trong hồ sơ thể hiện, khi phía bà V xây nhà vào năm 2023, phía chị T đã yêu cầu phía bà V xác định ranh chính xác nhưng sau đó phía bà V tiếp tục xây hàng rào, lúc này chị T cũng báo Ủy ban nhân xã L giải quyết nhưng phía bà V vẫn thực hiện.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/12/2025 thì phần đất 25,5m² phía bà V xây hàng rào bê tông + lưới B40, phần hàng rào này không ảnh hưởng đến kết cấu căn nhà của phía bà V nếu buộc tháo dỡ, cấp sơ thẩm buộc phía bà V trả giá trị đất là chưa phù hợp, ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của nguyên đơn là người được công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp.

[3] Từ những phân tích trên, xét việc phía bà V xây dựng hàng rào, công trình là cố tình lấn chiếm đất của phía nguyên đơn nên việc buộc tháo dỡ là phù hợp pháp luật, do đó yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T.

[4] Phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất chung của chị T5 và chị T, tuy nhiên cấp sơ thẩm chỉ buộc phía bà V thực hiện nghĩa vụ đối với chị T là thiếu sót cần điều chỉnh cho phù hợp.

[5] Về chi phí tố tụng: Do buộc phía bị đơn trả lại phần đất lấn chiếm nên bị đơn phải chịu chi phí tố tụng (xem xét thẩm định tại chỗ) trong giai đoạn phúc thẩm là 3.000.000 đồng. Chị T đã tạm nộp chi phí tố tụng nêu trên nên cần buộc phía bà V hoàn trả lại cho chị T.

[6] Ý kiến và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm nên chị T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Nguyễn Diễm T. Sửa bản án sơ thẩm số 117/2025/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 164, Điều 166, Điều 175, Điều 189 Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 31 Luật Đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X1:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Nguyễn Diễm T.

Buộc bà Phan Thị Ngọc V tháo dỡ toàn bộ các công trình xây dựng, vật kiến trúc (hàng rào) trên phần đất diện tích 25,5m² thuộc các thửa số 664, thửa số 665, thửa số 666, tờ bản đồ số 5 để trả lại phần đất lấn chiếm cho nguyên đơn là chị Trần Nguyễn Diễm T, Trần Nguyễn Diễm T5.

(Có sơ đồ kèm theo)

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Phan Thị Ngọc V phải trả cho chị Trần Nguyễn Diễm T 11.849.174 đồng là chi phí tố tụng.

3. Về án phí: Chị Trần Nguyễn Diễm T không phải chịu án phí phúc thẩm và án phí sơ thẩm. H1 lại cho chị Trần Nguyễn Diễm T 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001077 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp) và 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0001228 ngày 10/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Bà Phan Thị Ngọc V được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 2- Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng